

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 7 - 2023

V/v tranh chấp: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hoàng Liên.

2. Bà Mai Huệ Anh Đài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hoàng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 402/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Nguyễn Phương T - sinh năm 1978 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 01, phường MH, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

2/ *Bị đơn:* Ông Cao Ngọc H - sinh năm 1975 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 5, phường PH, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 6 năm 2023, trong quá trình tham gia tố tụng, Nguyên đơn là bà Đỗ Nguyễn Phương T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Cao Ngọc H tự nguyện tìm hiểu và quen biết nhau khoảng gần 02 năm thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới, tự nguyện

chung sống với nhau từ năm 1996, có đăng ký kết hôn tại UBND phường PH, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận ngày 29/6/2004. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2010 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong đời sống chung vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã nhau, ông H còn cá độ đá banh; bà khuyên nhủ nhưng ông H không nghe. Sau đó ông H bỏ đi nên bà và ông H sống ly thân đến nay đã 13 năm, không ai quan tâm đến ai, mặc ai nấy sống. Bà không còn tình cảm với ông H nên khởi kiện ly hôn ông H.

Về con chung: Bà và ông Cao Ngọc H có 01 con chung là Cao H V - sinh ngày 17/4/1997. Từ khi ông H bỏ đi thì con chung sống với bà, đến nay con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên bà không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông Cao Ngọc H không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Đỗ Nguyễn Phương T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại “Đơn xin xét xử vắng mặt” ngày 03/7/2023, nguyên đơn là bà Đỗ Nguyễn Phương T vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện và những ý kiến đã khai tại Tòa án.

Bị đơn là ông Cao Ngọc H trình bày tại “Bản tự khai”, trong quá trình tố tụng tại tòa án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Đỗ Nguyễn Phương T tự nguyện tìm hiểu một thời gian thì tiến tới hôn nhân, chung sống với nhau từ năm 1996, có đăng ký kết hôn tại UBND phường PH, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận ngày 29/6/2004. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc; đến năm 2010 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không hòa hợp được các vấn đề trong đời sống chung dẫn đến cãi vã. Sau đó ông và bà T tự sống ly thân. Vợ chồng ly thân đã 13 năm nay, không ai quan tâm đến ai, mặc ai nấy sống. Nay bà Đỗ Nguyễn Phương T khởi kiện ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Ông và bà Đỗ Nguyễn Phương T có 01 con chung là Cao H V - sinh ngày 17/4/1997. Đến nay con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên ông không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông và bà Đỗ Nguyễn Phương T không có tài sản chung và nợ chung nên ông không có yêu cầu gì.

Tại “Đơn xin vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng tại tòa án và xin xét xử vắng mặt” ngày 27/6/2023, bị đơn là ông Cao Ngọc H vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại Tòa án và xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, cụ thể như sau:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng tố tụng của Thẩm phán:

Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn” là đúng với nội dung khởi kiện của nguyên đơn và đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân

sự (Viết tắt là BLTTDS).

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28, 35, 39 của BLTTDS. Xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng quy định tại Điều 68 của BLTTDS, đảm bảo quyền và lợi ích của đương sự.

Việc ban hành văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử ... đúng trình tự thủ tục, đúng thời hạn và căn cứ ban hành phù hợp các quy định của BLTTDS.

Tòa án thực hiện thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đúng thời hạn và hợp lệ theo quy định của BLTTDS; chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu đúng thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 220 của BLTTDS.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa.

Tại phiên tòa; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm.

* Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

* Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, 35, 39, 147 của BLTTDS; Điều 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về hôn nhân: Bà Đỗ Nguyễn Phương T và ông Cao Ngọc H được ly hôn.

Về con chung: Con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động tự túc được nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Lời trình bày và kết quả tranh tụng của đương sự; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bà Đỗ Nguyễn Phương T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Cao Ngọc H có nơi cư trú tại khu phố 5, phường PH, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS; xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn”; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

[1.2] *Về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn:* Tại “Đơn xin xét xử vắng mặt” ngày 03/7/2023, nguyên đơn là bà Đỗ Nguyễn Phương T xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện, những ý kiến đã khai tại Tòa án. Tại “Đơn xin vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng tại tòa án và xin xét xử vắng mặt” ngày 27/6/2023, bị đơn là ông Cao Ngọc H xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên các ý kiến đã khai tại Tòa án. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của BLTTDS; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Đỗ Nguyễn Phương T và ông Cao Ngọc H đều xác nhận tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 1996, đã thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Căn cứ Giấy đăng ký kết hôn số: 104 ngày 29/6/2004 của UBND phường PH, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận; Hội đồng xét xử xác định hôn nhân giữa bà T và ông H là hợp pháp.

[2.2]. *Về tình trạng hôn nhân:* Bà Đỗ Nguyễn Phương T và ông Cao Ngọc H chung sống hạnh phúc từ năm 1996 đến năm 2010 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn và trở nên trầm trọng; nguyên nhân xuất phát từ việc vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp được các vấn đề trong đời sống chung dẫn đến cãi vã rồi tự sống ly thân. Vợ chồng không sống chung 13 năm nay, không quan tâm đến nhau, mạnh ai nấy sống, không có thiện chí hàn gắn để đoàn tụ. Bà T yêu cầu được ly hôn và ông H cũng đồng ý. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân giữa bà T và ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn ông H là phù hợp với nguyện vọng của các đương sự và pháp luật.

[2.3]. *Về con chung:* Bà Đỗ Nguyễn Phương T và ông Cao Ngọc H có 01 con chung là Cao H V - sinh ngày 17/4/1997. Đến nay con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động nuôi sống bản thân, bà T và ông H không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà Đỗ Nguyễn Phương T và ông Cao Ngọc H đều xác nhận không có tài sản chung, nợ chung và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Đỗ Nguyễn Phương T phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Đỗ Nguyễn Phương T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Nguyễn Phương T được ly hôn ông Cao Ngọc H.

2. Về con chung: Không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Đỗ Nguyễn Phương T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005459 ngày 19/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Bà Đỗ Nguyễn Phương T đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND Tp. Phan Rang-Tháp Chàm;
- Chi cục THADS Tp. Phan Rang-Tháp Chàm;
- UBND phường PH (Số 104, ngày 29/6/2004);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Vũ Thị Hồng

